**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**ĐỀ ÁN**

**MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM**

**GIAI ĐOẠN 2021-2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

**TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**(One Commune One Product OCOP)**

***Điện Biên, tháng 12/2020***

MỤC LỤC

DANH MỤC MỘT SỐ TỪ VIẾT TẮT

| **VIẾT TẮT** | **VIẾT ĐẦY ĐỦ** |
| --- | --- |
| DN | Doanh nghiệp |
| HĐQT | Hội đồng quản trị |
| HTX | Hợp tác xã |
| KHCN | Khoa học công nghệ |
| NTM | Nông thôn mới |
| MTQG | Mục tiêu quốc gia |
| TCVN | Tiêu chuẩn quốc gia của Việt Nam |
| TNHH | (Công ty) Trách nhiệm hữu hạn |
| TMCP | Thương mại cổ phần |
| THT | Tổ hợp tác |
| OVOP | One Village one Product: Mỗi làng một sản phẩm |
| OTOP | One Tambon One Product: Mỗi cộng đồng (xã, thị trấn) một sản phẩm |
| OCOP | One Commune One Product: Mỗi xã, phường một sản phẩm |
| SXKD | Sản xuất kinh doanh |

**Phần thứ nhất  
ĐẶT VẤN ĐỀ**

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**1.1. Kết quả thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm của cả nước giai đoạn 2018-2020**

Ngày 7/5/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 490/QĐ-TTg phê duyệt chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai (gọi tắt là OCOP) đoạn 2018 – 2020. Chương trình OCOP được xác định là một giải pháp giúp thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn. Trọng tâm của Chương trình OCOP là phát triển sản phẩm hàng hóa nông nghiệp, phi nông nghiệp, dịch vụ có lợi thế ở mỗi địa phương theo chuỗi giá trị, trong đó, chủ thể thực hiện là các thành phần kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể. Chương trình OCOP được thực hiện theo hướng phát triển nội sinh và gia tăng giá trị, triển khai thực hiện chương trình phải bảo đảm phù hợp và thích ứng với quy luật của kinh tế thị trường, bảo đảm các nguyên tắc: Sản phẩm địa phương hướng tới toàn cầu; Tự lực, tự tin và sáng tạo; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Sau hơn hai năm triển khai, Chương trình OCOP đã phát huy sức mạnh và vai trò của cộng đồng trong bảo tồn và phát triển sản phẩm truyền thống của địa phương. Chương trình tạo phong trào khởi nghiệp mạnh mẽ, hình thành nhiều vùng sản xuất nông sản sạch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với các chuỗi giá trị sản phẩm. Từ đó góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại khu vực nông thôn và là giải pháp quan trọng để thực hiện nhóm tiêu chí về sản xuất, thu nhập, hộ nghèo trong xây dựng nông thôn mới ở các địa phương.

Tính đến hết tháng 10 năm 2020, trên cả nước đã có 63/63 tỉnh, thành phố xây dựng đề án/kế hoạch triển khai Chương trình OCOP, trong đó có 48 tỉnh  đánh giá, phân hạng; Công nhận 2.169 sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên: có 48 sản phẩm tiềm năng 5 sao, 716 sản phẩm 4 sao, 1405 sản phẩm 3 sao; có 1.271 chủ thể (390 doanh nghiệp, 491 Hợp tác xã, 25 Tổ hợp tác, 365 cơ sở/hộ kinh doanh);

**1.2. Kết quả thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm của tỉnh Điện Biên giai đoạn 2018-2020 , những tiềm năng triển khai chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025;**

Điện Biên là một trong những địa phương triển khai Chương trình Mỗi xã một sản phẩm khá sớm so với các địa phương trong toàn quốc, ngày 30/11/2018, UBND tỉnh Điện Biên đã ban hành Quyết định số 1141/QĐ-UBND phê duyệt Đề án “Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 – 2020, định hướng đến năm 2030”. Với các mục tiêu cụ thể trong giai đoạn 2018 – 2020 là: *(1) Hình thành hệ thống tổ chức:* (i) Kiện toàn hệ thống quản lý, điều hành Chương trình OCOP từ tỉnh đến xã, theo hướng bổ sung chức năng, nhiệm vụ cho Ban Chỉ đạo và Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp; (ii) Ban hành tiêu chí, trình tự thủ tục đánh giá, xếp hạng sản phẩm Chương trình OCOP và chính sách hỗ trợ trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương; *(2) Phát triển sản phẩm:* (i) Phát triển sản phẩm, làng nghề nông thôn: Phát triển 21 sản phẩm đạt tiêu chí sản phẩm Chương trình OCOP; 02 làng nghề gắn với du lịch; (iii) Phát triển các tổ chức kinh tế: Củng cố và phát triển ít nhất 08 tổ chức kinh tế gắn với phát triển sản phẩm Chương trình OCOP; *(3) Phát triển nguồn nhân lực:* (i) Đến năm 2020, đào tạo 46 cán bộ quản lý nhà nước (cấp tỉnh, huyện) thực hiện Chương trình OCOP; (ii) 100% lãnh đạo doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh tham gia Chương trình OCOP được đào tạo chuyên môn quản lý sản xuất, quản trị kinh doanh; (4) *Xúc tiến thương mại: (i)*  Nâng cấp hệ thống xúc tiến thương mại các sản phẩm OCOP; (ii) Hỗ trợ, xã hội hóa đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ trưng bày và giới thiệu sản phẩm OCOP.

*Về công tác chỉ đạo điều hành*: (i) Bổ sung nhiệm vụ và thành viên Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020 tỉnh Điện Biên tại Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 của UBND tỉnh; (ii) Đôn đốc các huyện, thị xã, thành phố kiện toàn Ban Chỉ đạo cấp huyện, bố trí cán bộ theo dõi Chương trình, ban hành quy chế hoạt động; (iii) Các huyện, thị xã, thành phố đã chỉ đạo 100% số xã phân công cán bộ kiêm nhiệm tham mưu và làm đầu mối triển khai thực hiện Chương trình OCOP.

Đết hết năm 2019 đã có 26 sản phẩm được công nhận đạt tiêu các tiêu chí OCOP, trong đó có 2 sản phẩm đạt 4 sao và 24 sản phẩm đạt 3 sao trở lên, với sự tham gia của 11 tổ chức kinh tế đã tham gia chương trình năm 2019.

Theo kết quả khảo sát năm 2020, trong giai đoạn 2021 – 2025, trên địa bàn tỉnh Điện Biên có 222 sản phẩm nông nghiệp và phi nông nghiệp tiềm năng tham gia Chương trình OCOP, thuộc 6 nhóm sản phẩm, cụ thể: Loại 1: Thực phẩm 142 SP; Loại 2: Đồ uống 14 SP;Loại 3: Thảo dược 25 SP;Loại 4: Vải và may mặc 7 SP; Loại 5: Trang trí và nội thất 8 SP;Loại 6: Dịch vụ và du lịch nông thôn 26 SP (xem phụ lục 01)

**2.3.** **Tổng quan Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025**

Tính đến tháng 9/2020 toàn tỉnh đã có 19 xã đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân chung số tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới của toàn tỉnh là 11,3 tiêu chí/ xã; không còn xã dưới 5 tiêu chí; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn ước đạt 19 triệu đồng/người/năm; hạ tầng thiết yếu từng bước được cải thiện; lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, môi trường và an toàn thực phẩm có chuyển biến tích cực; hệ thống chính trị được củng cố; quốc phòng an ninh trật tự được giữ vững. Tỉnh tiếp tục chỉ đạo các xã đã đạt chuẩn NTM tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí, xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và tiến lên đạt xã kiểu mẫu.,

- Đời sống của vật chất và tinh thần của người dân nông thôn tiếp tục được cải thiện, bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới. Nhận thức, trách nhiệm của nhân dân được nâng lên, nhân dân đã xác định được mình là chủ thể chính trong xây dựng NTM nên đã chủ động tự giác đóng góp nguồn lực xây dựng cơ sở hạ tầng, bảo vệ tài sản chung, giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp.

- Đã vận dụng tốt các cơ chế chính sách của Trung ương, tỉnh để bố trí lồng ghép các nguồn vốn, tập trung huy động, khai thác nguồn vốn đầu tư để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

**2.4. Những khó khăn, thách thức đối với Chương trình Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Điện Biên**

Trong thời gian tới, việc tiếp tục triển khai Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh Điện Biên có những khó khăn, thách thức, đó là:

(i) Bộ máy tổ chức triển khai còn thiếu đồng bộ, đội ngũ cán bộ tham mưu, triển khai còn thiếu và yếu, một số lãnh đạo cấp xã chưa nhận thức đầy đủ về ý nghĩa, vai trò của Chương trình OCOP với phát triển kinh tế của địa phương;

(ii) Công tác chỉ đạo, tuyên truyền vận động tham gia thực hiện chương trình còn hạn chế, nhận thức của người sản xuất chưa đầy đủ người dân chưa xác định được lợi ích trong việc tham gia Chương trình OCOP, sự vào cuộc của người dân và các tổ chức, cá nhân còn hạn chế;

(iii) Các sản phẩm đặc thù của địa phương còn manh mún, quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, việc liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với các doanh nghiệp còn hạn chế nên khó khăn trong việc tìm thị trường cho sản phẩm OCOP;

(iv) Người sản xuất chưa chú trọng đến việc xây dựng, thiết kế mẫu mã bao bì sản phẩm chất lượng và đẹp mắt để thu hút người tiêu dùng;

(v) Tổ chức triển khai chu trình OCOP chủ yếu dựa trên các sản phẩm đã hình thành, tập trung vào công tác xây dựng hồ sơ, đánh giá và phân hạng sản phẩm, chưa có các giải pháp hỗ trợ nâng cao năng lực, phát triển sản phẩm mới, thúc đẩy sản phẩm chế biến, ngành nghề truyền thống với lợi thế và tiềm năng của địa phương;

(vi) Hệ thống các chính sách, cơ chế hỗ trợ chủ thể phát triển sản phẩm tuy khá đầy đủ, nhưng thiếu đồng bộ, chưa được xác định rõ ràng, khó khăn trong việc xây dựng định mức hỗ trợ các sản phẩm tham gia chương trình;

(vii) Việc huy động nguồn lực cho chương trình còn hạn chế, mới chỉ dựa vào nguồn ngân sách Chương trình xây dựng nông thôn mới, mà chưa có giải pháp lồng ghép các chương trình, dự án và huy động nguồn lực của xã hội và cộng đồng.

Từ những yếu tố trên đặt ra yêu cầu việc thực hiện Đề án "Mỗi xã một sản phẩm" tỉnh Điện Biên trở thành một Chương trình phát triển kinh tế khu vực nông thôn của tỉnh, khẳng định tính cấp thiết phải xây dựng **Đề án "Mỗi xã một sản phẩm" tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030.**

**II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**2.1. Căn cứ pháp lý**

*2.1.1. Văn bản của Trung ương*

Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về Khuyến công;

Nghị định 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Hướng dẫn Luật Hợp tác xã

Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Công tác Khuyến nông.

Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp nông thôn đến năm 2020”;

Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ Hợp tác xã giai đoạn 2015 - 2020;

Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ Điều chỉnh bổ sung Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 04/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 32/2016/QH ngày 23/11/2016 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp;

Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 12/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Khoa học công nghệ phục vụ Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020;

Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá phân hạng sản phẩm chương trình Mỗi xã một sản phẩm;

Quyết định số 781/QĐ-TTg ngày 8/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số phụ lục Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá phân hạng sản phẩm chương trình Mỗi xã một sản phẩm;

Và các Thông tư, văn bản hướng dẫn của các Bộ, Ngành liên quan.

*2.1.2. Văn bản của tỉnh Điện Biên*

Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 25/3/2015 của UBND tỉnh Điện Biên về Phê duyệt đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng bền vững đến 2020, trên địa bàn tỉnh Điện Biên”;

Quyết định số 1440/QĐ-UBND ngày 15/11/2016 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 1587/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Phê duyệt Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Điện Biên giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030;

Nghị quyết số 83/2018/NQ-HĐND ngày 9/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về việc Quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị của cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 7/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về việc Ban hành chính sách Hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về việc Ban hành quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Kế hoạch số 1377/KH-UBND ngày 15/5/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về thực hiện "Chiến lược phát triển thương hiệu du lịch Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Kế hoạch số 1916/KH-UBND ngày 3/7/2020 của UBND tỉnh Điện Biên triển khai Đề án cơ cấu lại ngành du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển thành ngành kinhtế mũi nhọn trên địa bàn tỉnh Điện Biên trong giai đoạn 2020 - 2025.

Và các văn bản hướng dẫn của UBND, các sở, ban, ngành có liên quan.

**III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN ĐỀ ÁN "MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM" TỈNH ĐIỆN BIÊN GIAI ĐOẠN 2021-2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

**3.1. Phạm vi thực hiện Chương trình**

- Về không gian: Địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Thời gian: giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến 2030

**3.2. Đối tượng thực hiện Chương trình**

- Chủ thể thực hiện: Các tổ chức kinh tế, hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, trong đó chủ thể thực hiện chính là Ban Chỉ đạo/Ban điều hành OCOP các cấp và người dân, các tổ chức kinh tế trên địa bàn. Với quan điểm lấy chủ thể kinh tế tư nhân và kinh tế tập thể làm nòng cốt, cụ thể là các hợp tác xã, các doanh nghiệp nhỏ và vừa làm nòng cốt cùng với Tổ hợp tác, hộ sản xuất.

- Sản phẩm OCOP của tỉnh Điện Biên: bao gồm sản phẩm (hàng hoá) và sản phẩm dịch vụ, du lịch có nguồn gốc từ địa phương hoặc được thuần hóa, đặc biệt là đặc sản vùng miền, có lợi thế khác biệt của các địa phương tỉnh Điện Biên...

- Đối tượng thụ hưởng: Là người dân, cộng đồng dân cư, các tổ chức kinh tế - xã hội trong và ngoài tỉnh Điện Biên, Quốc tế.

**3.3. Nguyên tắc thực hiện**

Kế thừa và phát huy Chương trình các nguyên tắc thực hiện Chương trình OCOP của toàn quốc và của tỉnh Điện Biên giai đoạn trước đây, là:

- Hành động địa phương hướng đến toàn cầu

- Tự lực, tự tin, sáng tạo

- Phát triển nguồn nhân lực

**Phần thứ hai  
KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN "CHƯƠNG TRÌNH MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM" TỈNH ĐIỆN BIÊN GIAI ĐOẠN 2018-2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2025**

**I. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI**

**1.1. Đặc điểm tự nhiên**

Về v**ị trí địa lý:**

Điện Biên là tỉnh miền núi biên giới thuộc vùng Tây Bắc, phía Bắc giáp tỉnh Lai Châu, phía Đông và Đông Bắc giáp tỉnh Sơn La, phía Tây Bắc giáp tỉnh Vân Nam – Trung Quốc; phía Tây và Tây Nam giáp với nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào. Vị trí địa lý tạo điều kiện cho việc giao thương các sản phẩm OCOP.

**Về khí hậu:**

Điện Biên là tiểu vùng có khí hậu nhiệt đới gió mùa, vào mùa đông khí hậu tương đối lạnh và ít mưa; về mùa hạ khí hậu nóng, mưa nhiều; khí hậu diễn biến khá bất thường và phân hoá đa dạng. Nơi đây ít chịu ảnh hưởng của bão, nhưng lại có gió tây nên khô và nóng. Nhiệt độ trung bình hàng năm từ 21 – 230C, lượng mưa trung bình từ 1.700 – 2.500 mm, độ ẩm trung bình từ 83 – 85%. Khí hậu Điện Biên được chia thành 3 tiểu vùng rõ rệt: (i) tiểu vùng Mường Nhé; (ii) tiểu vùng Mường Lay; và (iii) tiểu vùng cao nguyên Sơn La và thượng nguồn sông Mã. Khí hậu Điện Biên tạo ra một không gian đa dạng về các sản phẩm đặc chưng cho các tiểu vùng khí hậu khác nhau.

**Về đặc điểm địa hình:**

Điện Biên có địa hình phức tạp, xen lẫn với các dãy núi cao là các thung lũng, sông suối nhỏ hẹp và dốc phân bổ khắp nơi trong địa bàn tỉnh. Tuy vậy, thiên nhiên đã tạo ra cho Điện Biên một thung lũng rộng lớn chính là thung lung Mường Thanh. Đặc điểm địa hình gây cản trở cho việc giao thông đi lại giữa các địa phương, tuy nhiên cũng là một yếu tố tạo ra sự khác biệt giữa các sản phẩm của các địa phương.

**Về tài nguyên thiên nhiên:**

**Tài nguyên đất**

Điện Biên có các nhóm đất chính là: nhóm đất phù sa, nhóm đất đen, nhóm đất mùn vàng đỏ, những loại đất này rất phù hợp để phát triển các loại cây lương thực, hoa màu và cây công nghiệp ngắn ngày, trồng và khoanh nuôi tái sinh rừng. Các nhóm đất khác nhau là cơ hội để đa dạng các loại sản phẩm nông nghiệp.

Tổng diện tích đất nông nghiệp toàn tỉnh là 108.158 ha, chiếm 11,32% diện tích đất tự nhiên; trong đó diện tích đất lâm nghiệp có rừng là 309.765 ha (chiếm 32,42%), diện tích đất chuyên dùng 6.053 ha (chiếm 0,68%). Ngoài ra, Điện Biên còn có 528.370 ha đất chưa sử dụng, chiếm 55,3% tổng diện tích đất tự nhiên, trong đó chủ yếu là đất đồi núi (96,9%). Cần có giải pháp để sử dụng có hiệu quả diện tích đất chưa sử dụng vào phát triển sản xuất nông nghiệp.

**Tài nguyên rừng**

Hiện nay, toàn tỉnh có 348.049 ha rừng, đạt tỷ lệ che phủ 37%. Trong rừng có nhiều loại gỗ quý hiếm, giá trị kinh tế cao như: lát, chò chỉ, nghiến, táu, pơmu… Ngoài ra, còn có các loại cây đặc sản khác như cánh kiến đỏ, song mây… Không chỉ có nhiều loại thực vật quý hiếm, rừng Điện Biên còn có 61 loài thú, 270 loài chim, 27 loài động vật lưỡng cư, 25 loài bò sát, 50 loài cá đang sinh sống. Trong những năm gần đây, do nạn đốt rừng và săn bắt chim thú tự do nên lượng chim thú quý trong rừng ngày càng giảm, một số loài đang có nguy cơ bị tuyệt chủng. Trong thời gian tới cần có giải pháp nang cao diện tích rừng, tăng độ che phủ, phát triển kinh tế rừng và phát triển cây dược liệu gắn với rừng.

**Tài nguyên khoáng sản**

Điện Biên không có nhiều loại khoáng sản, tuy nhiên qua điều tra sơ bộ trên địa bàn tỉnh vẫn có một số loại khoáng sản chính như than đá, đá đen, vàng, cát, sỏi và các loại vật liệu xây dựng khác… Hiện nay, mỏ than mỡ Thanh An có trữ lượng khoảng 156.000 tấn; mỏ cao lanh ở Huổi Phạ trữ lượng khoảng 51.000 tấn; mỏ đá xây dựng ở Tây Trang; vàng sa khoáng ở thượng nguồn sông Đà; nước khoáng Mường Luân… Tuy các mỏ này có trữ lượng không lớn, nhưng đây là nguồn lực khá quan trọng để phát triển các ngành công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp ở địa phương.

**Tài nguyên nước**

Với lượng mưa hàng năm khá lớn, hệ thống ao hồ và sông suối nhiều nên nguồn nước mặt ở Điện Biên rất phong phú theo ba hệ thống sông chính là sông Đà, sông Mã và sông Mê Kông. Đặc điểm chung của các sông suối trong tỉnh là có độ dốc lớn, nhiều thác ghềnh, nhất là các sông suối thuộc hệ thống sông Đà và sông Nậm Rốm. Chất lượng nước tương đối cao, ít bị ô nhiễm.

**1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội tỉnh Điện Biên**

***1.2.1. Tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế***

Trong giai 2016 – 2020, tốc độ tăng trưởng GRDP của Điện Biên bình quân ước đạt 6,83%/năm; tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2020 ước đạt 20.056 tỷ đồng, tăng 1,78 lần so với năm 2015; GRDP bình quân đầu người năm 2020 ước đạt 38,25 triệu đồng/người/năm (tương đương 1.732,2 USD/người/năm).

Chuyển dịch cơơ cấu kinh tế khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 23,96% (năm 2015) xuống 18,22% (năm 2020), công nghiệp - xây dựng tăng từ 21,74% (năm 2015) lên 22,65% (năm 2020), thương mại - dịch vụ tăng từ 51,71% (năm 2015) lên 54,19% (năm 2020).

Tổng thu ngân sách nhà nước ước đạt 55.257 tỷ đồng, trong đó: thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 5.794,01 tỷ đồng, dự ước năm 2020 đạt 1.249,94 tỷ đồng, tăng gấp 1,44 lần so với năm 2015. Tổng chi ngân sách nhà nước 05 năm ước đạt 54.998 tỷ đồng (đạt 108%); tốc độ tăng chi bình quân giai đoạn 2016-2020 khoảng 8%/năm; cơ cấu chi trong cân đối thay đổi tích cực .

***1.2.2. Về sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới***

Tỉnh đã xây dựng đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp với các nội dung: tổ chức lại sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi diện tích cây trồng kém hiệu quả, xây dựng một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh; tăng cường quản lý giống, vật tư... phòng, chống dịch bệnh ở cây trồng, vật nuôi. Đến nay đã xây dựng được 19 chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn; thu hút được 21 doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp với tổng số vốn là 6.186 tỷ đồng; tiếp tục duy trì; khai thác vùng có lợi thế trồng cây công nghiệp dài ngày như cao su, cà phê và chè, qua đó đã giải quyết được nhiều việc làm cho lao động nông thôn, tăng thu nhập, cải thiện và nâng cao đời sống, vật chất, tinh thần cho người lao động, góp phần giảm nghèo bền vững.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản tăng cả về diện tích và sản lượng. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; tỷ lệ che phủ rừng năm 2020 ước đạt 42,5%.

Tỉnh đã triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới khá toàn diện, đi vào thực chất và chiều sâu, đạt nhiều kết quả. Từ năm 2016 đến năm 2020 đã huy động, bố trí lồng ghép các nguồn vốn được 9.310 tỷ đồng để thực hiện; đã xuất hiện nhiều điển hình tiên tiến, cách làm hay; dự ước đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có 37 xã đạt và cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, một đơn vị cấp huyện (thị xã Mường Lay) hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; số tiêu chí bình quân đạt 11,2 tiêu chí/xã, không còn xã dưới 05 tiêu chí; có 26 sản phẩm OCOP được công nhận đạt 3 sao trở lên, trong đó có o2 sản phẩm được công nhận đạt 4 sao; phong trào xây dựng nông thôn mới đã tạo nên sự chuyển biển tích cực của người dân về nhận thức vai trò làm chủ của mình, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được cải thiện; bộ mặt nông thôn thay đổi tiến bộ.

***1.2.3. Về cơ sở hạ tầng***

Về giao thông, nhiều tuyến đường tỉnh lộ được nâng cấp thành quốc lộ, như: Tuyến Quốc lộ 12 kéo dài (bao gồm cả Cầu Nậm Thanh, C4); Quốc lộ 279B Nà Tấu đi Mường Phăng; Quốc lộ 12B (Đường Pom Lót - Chiềng Sơ - Mường Luân); Quốc lộ 12C (Núa Ngam - Huổi Puốc); tuyến đường 4H đi Mường Nhé - A Pa Chải....; nhiều tuyến đường Tỉnh lộ đã được đưa vào sử dụng, như: Km 45 - Nà Hỳ; Tủa Chùa - Nậm Mức - Huổi Mí.... Hạ tầng giao thông nông thôn tiếp tục được đầu tư, mở rộng, dự kiến đến hết năm 2020 sẽ có 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã, trong đó có 93,8% số xã có đường ô tto đi lại được quanh năm.

Về hạ tầng thủy lợi đầu tư, xây dựng, nâng cấp theo hướng đa mục tiêu, góp phần tưới tiêu cho 29.190 ha đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, rau màu .

Về hạ tầng năng lượng điện được quan tâm đầu tư, 100% xã phường, thị trấn có điện lưới quốc gia đến trung tâm, tỷ lệ hộ được sử dụng điện từ lưới điện quốc gia tăng từ 83,4% năm 2015 lên 92% năm 2020.

Về hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin, phát thanh - truyền hình phát triển nhanh, đa dạng, số hóa, cơ bản đáp ứng nhu cầu của cơ quan, doanh nghiệp và Nhân dân.

**1.3. Tiềm năng phát triển**

***1.3.1. Thuận tiện giao thương hàng hóa***

Điện Biên cách thủ đô Hà Nội khoảng 500 km về phía Tây, tiếp giáp với các tỉnh Lai Châu, tỉnh Sơn La, có đường biên giới với Trung Quốc và Lào. Điện Biên có vị trí chiến lược rất quan trọng, là đầu mối giao thông với các tỉnh Bắc Lào và với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc, có đường quốc lộ 6 và cảng hàng không khá thuận lợi cho giao thông và giao thương hàng hóa.

***1.3.2. Tiềm năng về phát triển du lịch văn hóa, lịch sử và phát triển sản phẩm OCOP***

Với tổng diện tích tự nhiên tỉnh là 9.541.300 km2, có 10 đơn vị hành chính, gồm 01 thành phố, 01 thị xã và 08 huyện; với 129 xã, phường, thị trấn. Dân số trung bình tỉnh Điên Biên năm 2019 là 601.700 người với mật độ dân số là 63 người/km². Trong đó, dân số nam là 305.000 người và dân số nữ là 296.700 người; dân số thành thị đạt 86,600 người, chiếm 14,3% dân số toàn tỉnh và dân số nông thôn đạt 515,100 người, chiếm 85,7% dân số toàn tỉnh. Trên địa bàn tỉnh Điện Biên có 19 dân tộc, trong đó: Dân tộc Thái chiếm tỷ lệ cao nhất, khoảng 38%, dân tộc Mông chiếm khoản 35%, dân tộc Kinh chiếm 19%, dân tộc Khơ Mú 3,3%, còn lại là các dân tộc khác như Dao, Hà Nhì, Hoa, Kháng...

Với quần thể di tích Điện Biên phủ và nền văn hóa của 19 dân tộc anh em sống trên địa bàn tạo ra cho Điện Biên nhiều tiềm năng phát triển về du lịch văn hóa, di tích và tâm linh, cũng như tiềm năng khai thác các lợi thế của địa phương để phát triển các sản phẩm theo Chương trình OCOP.

Điện Biên là địa phương còn nhiều diện tích đất chưa sử dụng và có tiềm năng phát triển sản xuất nông lâm nghiệp.

***1.3.3. Tiềm năng phát triển về cảnh quan và phát triển thủy điện***

Với địa hình nhiều sông suối, đồi núi, có độ dốc lớn, có nhiều hang động, có nguồn nước khoáng và nhiều hồ nước tạo thành nguồn tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan phong phú và tận dụng để phát triển thủy điện.

Tỉnh Điện Biên đã và đang thực hiện nhiều chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư và các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào các lĩnh vực có tiềm năng phát triển của tỉnh. Điện Biên sẽ phát triển và hứa hẹn là nơi thu hút cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước cũng như khách đến thăm quan tìm hiểu văn hóa, lịch sử, cảnh quan và con người Điện Biên.

**II. KẾT QUẢ CỤ THỂ (Kết quả đến hết năm 2019)**

**2.1. Hoàn thiện hệ thống tổ chức Chương trình OCOP**

- Cấp tỉnh: Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu cho UBND tỉnh bổ sung nhiệm vụ và thành viên Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020 tỉnh Điện Biên tại Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 của UBND tỉnh.

- Cấp huyện: Đôn đốc các huyện, thị xã, thành phố kiện toàn Ban Chỉ đạo cấp huyện, bố trí cán bộ theo dõi Chương trình, ban hành quy chế hoạt động. Đến nay, 10/10 huyện, thị xã, thành phố đã kiện toàn Ban chỉ đạo cấp huyện.

- Cấp xã: Các huyện, thị xã, thành phố đã chỉ đạo 100% số xã phân công cán bộ kiêm nhiệm tham mưu và làm đầu mối triển khai thực hiện Chương trình OCOP.

**2.2. Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện Đề án từ tỉnh đến cơ sở**

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp với Sở Tài chính căn cứ vào đề án được phê duyệt, tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 10/4/2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phân bổ chi tiết nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới thực hiện Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm năm 2019; Ban hành Hướng dẫn 1069/HD-SNN ngày 04/6/2019 về việc triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2019 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc thành lập Hội đồng và Tổ giúp việc đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Hiện nay, đã trình UBND tỉnh ban hành Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ của Hội đồng và Tổ giúp việc đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Tham mưu cho Hội đồng đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP ban hành Kế hoạch số 1791/KH-HĐĐG về việc tổ chức đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP tỉnh Điện Biên năm 2019.

- Ban hành văn bản đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm năm 2019; Văn bản kiến nghị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm; Văn bản đề nghị điều chỉnh kinh phí thực hiện Chương trình…

**2.3. Công tác vận động, tuyên truyền về chương trình OCOP**

Đến hết năm 2019 đã có 9 huyện, thị xã xây dựng kế hoạch/đề án triển khai Chương trình OCOP; Tổ chức hội nghị triển khai đề án: 01 Hội nghị cho 150 đại biểu; có hai huyện là Điện Biên và Mường Ảng tổ chức hội nghị tuyên truyền cấp huyện; Xây dựng được 01 phóng sự và 10 pano tuyên truyền; Huyện Điện Điên xây dựng 04 phóng sự tuyên truyền về sản phẩm OCOP cấp huyện; Huyện Điện Biên Đông: Lắp đạt biển hiệu tuyên truyền về các sản phẩm OCOP trên địa bàn 13 xã; Huyện Mường Ảng: xây dựng 01 phóng sự tuyên truyền trên đài Truyền hình tỉnh, lắp đặt 10 pano tuyên truyền tại thị trấn và trung tâm các xã.

**2.4. Công tác tập huấn, đào tạo cho cán bộ OCOP và các chủ thể sản xuất tham gia Chương trình OCOP**

Tổ chức 31 lớp tập huấn, hướng dẫn triển khai chương trình OCOP cho 1364 lượt cán bộ quản lý và các chủ thể tham gia chương trình OCOP. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn) đã tổ chức 03 chuyến học tập, trao đổi kinh nghiệm triển khai Chương trình OCOP tại tỉnh Lào Cai, Bắc Giang và Quảng Ninh cho 80 thành viên (là công chức, viên chức của các Sở, ngành, cơ quan trực tiếp tham mưu, quản lý cấp huyện và một số chủ thể OCOP). Các huyện Điện Biên, Điện Biên Đông, Tủa Chùa, Tuần Giáo đã tổ chức 04 chuyến tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm triển khai Chương trình OCOP cho 102 lượt cán bộ cấp huyện, xã và chủ thể OCOP.

**2.5. Công tác củng cố, phát triển về sản phẩm và tổ chức tham gia Chương trình OCOP**

Triển khai hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá sản phẩm, hỗ trợ thiết kế bao bì sản phầm Chè Shan cho Cty TNHH Phương Linh, Tủa Chùa.

**2.6. Cơ chế chính sách OCOP**

Hiện nay trên địa tỉnh Điện Biên, các chính sách hỗ trợ của Chương trình, chủ yếu vận dụng từ chính sách hỗ trợ sản xuất nông lâm nghiệp theo Nghị quyết 05/2018/NQ-HĐND và nguồn kinh phí Xây dựng nông mới, việc áp dụng thông tư 08/2019/TT-BTC cho chương trình OCOP còn nhiều bất cập.

2**.7. Công tác huy động nguồn lực thực hiện Chương trình**

Hiện nay, việc huy động nguồn lực từ doanh nghiệp và cộng đồng còn rất hạn chế, chủ yếu vẫn dựa vào nguồn ngân sách Nhà nước.

**2.8. Xây dựng hệ thống đối tác và xúc tiến thương mại sản phẩm OCOP**

Thành lập Đoàn công tác tham gia Hội chợ OCOP Thái Nguyên năm giới thiệu một số sản phẩm chủ lực đăng ký tham gia Chương trình OCOP giai đoạn 2018-2020 của tỉnh; tìm kiếm đối tác, kết nối cung cầu, chuyển giao công nghệ, hợp tác kinh doanh, cung ứng dịch vụ giữa các doanh nghiệp, các Hiệp hội chuyên ngành, các tổ chức quảng bá, xúc tiến thương mại sản phẩm, các nhà khoa học cho các sản phẩm của tỉnh; Học tập kinh nghiệm tổ chức Hội chợ Chương trình mỗi xã một sản phẩm của Thái Nguyên

**2.9. Công tác phối, kết hợp giữa các ban, ngành trong việc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện**

Phối hợp chặt chẽ với các sở Công thương, Khọc học công nghệ, Y tế, Tài Nguyên môi trường, Văn hóa – Thể thao và Du lịch, Tài chính, Kế hoạch đầu tư, Lao động – Thương và Xã hội, các tổ chức chính trị xã hội để hướng dẫn, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện, bao gồm cả việc kiểm tra các sản phẩm sau khi công nhận đạt tiêu chí OCOP.

**2.10. Việc xây dựng và triển khai thực hiện các dự án khai thác thế mạnh của tỉnh Điện Biên**

Hiện nay trên địa bàn tỉnh đã và đang triển khai nhiều dự án liên quan đến phát triển sản xuất nông lâm nghiệp và các sản phẩm vùng nông thôn nhằm khai thác thế mạnh của các địa phương trong tỉnh.

**III. ĐÁNH GIÁ NHỮNG THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ TRONG THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

**3.1. Thành tựu nổi bật**

Sau hai năm triển khai thực hiện chương trình OCOP, nhận thức của cán bộ lãnh đạo quản lý và người dân (đặc biệt là các chủ thể sản phẩm) đã có chuyển biến tích cực. Toàn tỉnh đã có 10/10 huyện, thành phố, thị xã xây dựng đề án/kế hoạch triển khai Chương trình OCOP. Hệ thống điều hành Chương trình OCOP đã được xây dựng từ cấp tỉnh đến cấp xã và bước đầu đi vào hoạt động hiệu quả.

Năm 2019 đã có 26 sản phẩm được công nhận đạt chuẩn tiêu chí sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên, trong đó có 2 sản phẩm được công nhận 4 sao (vượt kế hoạch đặt ra). Trong năm 2020 đang phân đấu có thêm 10 sản phẩm đạt tiêu chí OCOP.

**3.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

***3.2.1. Tồn tại, hạn chế***

Bên cạnh những thành tựu đạt được, việc triển khai Chương trình OCOP vẫn có những tồn tại, hạn chế nhất định:

Một là, việc thực hiện chu trình OCOP thường niên còn nhiều bất cập, chưa thực hiện đầy đủ các bước trong chu trình, bị động trong tổ cức thực hiện.

Hai là, số lượng và chất lượng nguồn nhân lực trong tỉnh còn rất thấp, không đáp ứng yêu cầu phát triển, người dân chưa thực sự chủ động tham gia chương trình OCOP, chưa khai thác hết tiềm năng lợi thế của địa phương.

Ba là, sản xuất hàng hóa nhỏ lẻ, manh mún, chất lượng sản phẩm tham gia chương trình chưa cao, bao bì nhãn mác còn khá sơ sài, chưa có đầy đủ các minh chứng truy xuất nguồn gốc sản phẩm, chưa tạo được lòng tin cho người tiêu dùng.

Bốn là, số lượng sản phẩm tiềm năng trên địa bàn là rất lớn, nhiều sản phẩm rất đặc thù, nhưng số lượng các sản phẩm đủ tiêu chuẩn tham gia chương trình còn hạn chế do thiếu các yêu cầu về chủ thể, về công bố tiêu chuẩn chất lượng, v.v..

Năm là, nguồn vốn đầu tư cho khoa học công nghệ còn rất thấp, chưa có nhiều các sản phẩm được đầu tư công nghệ hiện đại hay ứng dụng công nghệ 4.0.

***3.2.2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế***

Một là, chương trình OCOP là một chương trình mới, các văn bản hướng dẫn chưa nhiều và chậm nên trong quá trình thực hiện cấp tỉnh cũng gặp nhiều khó khăn. Công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, tư vấn cho người dân cần phải có thời gian nhất định.

Hai là, trong thời gian qua sự vào cuộc của hệ thống cán bộ quản lý các cấp đặc biệt cấp xã còn chưa cao, nhiều địa phương chưa chủ động tiếp cận chương trình và hướng dẫn người dân tiếp cận chương trình.

Ba là, các chủ thể sản phẩm OCOP còn thiếu các điều kiện cần thiết để tham gia chương trình như: tổ hợp tác, HTX, DN hay đăng ký kinh doanh hộ.

Bốn là, người dân vẫn còn tư tưởng “có gì, bán nấy”, chưa bám sát nhu cầu của thị trường, bán hàng theo thói quen qua thương lái, chưa tiếp cận trực tiếp với người tiêu dùng.

**3.3. Bài học kinh nghiệm**

*Thứ nhất*, Cán bộ lãnh đạo quản lý phái xác định rõ chương trình OCOP là chương trình phát triển kinh tế nông thôn trên cơ sở phát huy nội lực và gia tăng giá trị cho các sản phẩm nông nghiệp và phi nông nghiệp nhằm khai thác các tiềm năng lợi thế của địa phương và phát huy sức mạnh của cộng đồng.

Thứ hai*,* cần hoàn thiện bộ máy điều hành chương trình OCOP thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp xã, tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản lý và cán bộ phụ trách chương trình về nhận thức và nghiệp vụ chuyên môn để có thể vừa hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể về thủ tục hồ sơ, vừa có thể tư vấn cho người dân về sản phẩm, về thị trường, về thương hiệu, về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, .... và các hoạt động nghiệp vụ khác.

Thứ ba, bám sát Chu trình OCOP thường niên, vận dụng phù hợp với điều kiện cụ thể, tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền, vận động, tập huấn cho cán bộ quản lý, các chủ thể OCOP để mọi người nhận thức đầy đủ về ý nghĩa và lợi ích của Chương trình trong phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

Thứ tư, cần xác định rõ đối tượng của chương trình là sản phẩm và chủ thể của sản phẩm để tập trung xây dựng chiến lược về phát triển sản phẩm và phát triển các chủ thể (doanh nghiệp, hợp tác xã).

Thứ năm, tổ chức tuyên truyền và tập huấn cho cán bộ lãnh đạo quản lý của các địa phương, các sở, ban ngành, các tổ chức chính trị xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, để tạo ra một hệ sinh thái trong hệ thống chính trị đồng hành sẽ đem lại sức mạnh cho chương trình.

Thứ sáu, cần ban hành các chính sách hỗ trợ đặc thù cho Chương trình OCOP Điện Biên, để hỗ trợ cho người dân và các chủ thể tham gia tiếp cận và tham gia Chương trình.

Thứ bảy, có cơ chế chính sách và hình thức tổ chức phù hợp nhằm đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại cho các sản phẩm nông thôn tiêu biểu và các sản phẩm được công nhận OCOP, đưa sản phẩm đến với người tiêu dùng trên cả nước.

Thứ tám, tăng cường vai trò của cấp xã trong triển khai thực hiện Chương trình, cấp xã và người dân cần xác định rõ những tiềm năng lợi thế của mình, từ đó xây dựng nội dung và xác định sản phẩm tham gia chương trình. Mặt khác, cấp xã còn có trách nhiệm thúc đẩy phát triển sản phẩm, kiểm tra, giám sát các chủ thể trong quá trình sản xuất, chế biến, tiêu thụ bảo vệ thương hiệu của các sản phẩm OCOP.

**Phần thứ ba**

**QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NỘI DUNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

**THỰC HIỆN ĐỀ ÁN "MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM" TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**GIAI ĐOẠN 2021-2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

**I. BỐI CẢNH**

**1.1. Bối cảnh trong nước**

Trên cơ sở nghiên cứu, học tập kinh nghiệm từ phong trào “Mỗi làng một sản phẩm – OVOP” của Nhật Bản, Chương trình “Mỗi cộng đồng một sản phẩm – OTOP” của Thái Lan và của một sô quốc gia trên thế giới, phát triển kết quả thực hiện Chương trình “Mỗi xã, phường một sản phẩm” của tỉnh Quảng Ninh. Ngày 7/5/2018, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (gọi tắt là Chương trình OCOP) tại quyết định số 490/QĐ-TTg, Chương trình OCOP đã được triển khai trên toàn quốc từ tháng ngày 13/7/2018. Sự ra đời của Chương trình OCOP đã tạo ra một bước chuyển quan trọng trong việc thúc đẩy tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 và thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc XII (2025-2020). Mặc dù trong năm 2020 chịu sự ảnh hưởng rất lớn của đại dịch Covid-19, nhưng Chương trình OCOP đã đạt được những kết quả đáng kể, khẳng định tính phù hợp của Chương trình và là kết quả của sự vào cuộc mạnh mẽ, có trách nhiệm hệ thống chính trị và sự đồng thuận của người dân.

**1.2. Bối cảnh khu vực và quốc tế**

Đại dịch Covid-19 được phát hiện từ cuối năm 2019 tại Vũ Hán, Trung Quốc đã nhanh chóng lây nhiễm ra toàn thế giới tác động đến mọi mặt của đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của tất cả các quốc gia. Kinh tế thế giới suy giảm mạnh, mâu thuẫn chính trị không ngừng tăng cường, an ninh xã hội không ổn định. Năm 2020, với vai trò là Chủ tịch ASIAN và là Ủy viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc, Việt Nam đã có nhiều đóng góp và thu được nhiều thành công trên các mặt trận chính trị, ngoại giao, quân sự, nâng vị thế của Việt Nam lên tầm cao mới. Thành công của Việt Nam trong phòng chống đại dịch Covid-19, thực hiện thắng lợi “nhiệm vụ kép” vừa phòng chống đại dịch Cocid-19, vừa phát triển kinh tế đã tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam phát triển trong những năm tiếp theo.

**II. QUAN ĐIỂM**

1. Đưa Đề án "Mỗi xã một sản phẩm" tỉnh Điện Biên là Chương trình phát triển kinh tế quan trọng của tỉnh đặc biệt là khu vực nông thôn;

2. Triển khai Chương trình Mỗi xã một sản phẩm phải đặt trong tổng thể nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội gắn với chương trình nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểm mẫu và tái cơ cấu ngành nông nghiệp;

3. Triển khai Chương trình Mỗi xã một sản phẩm là trách nhiệm của cả xã hội và cộng đồng dân cư, trong đó địa bàn xã đóng vai trò trực tiếp, thường xuyên;

4. Triển khai Chương trình Mỗi xã một sản phẩm nhằm khai thác thế mạnh của các sản phẩm đặc hữu của địa phương và đáp ứng nhu cầu của xã hội về xu hướng sử dụng các sản phẩm có chất lượng cao, đảm bảo an toàn và có xuất xứ nguồn gốc;

5. Quá trình triển khai chương trình cẫn xác định rõ: (i) Nhà nước đóng vai trò kiến tạo môi trường; (ii) Người dân là chủ thể thực hiện chính; (iii) Các đối tác OCOP đồng hành cùng phát triển.

**III. MỤC TIÊU**

**3.1. Mục tiêu tổng quát**

Đưa Đề án "Mỗi xã một sản phẩm" trở thành Chương trình kinh tế trọng tâm của Tỉnh; phát triển sản xuất sản phẩm/dịch vụ hàng hóa nông nghiệp và phi nông nghiệp trên địa bàn nông thôn; góp phần phát huy tiềm năng thế mạnh truyền thống của các địa phương, sức sáng tạo của người dân để tạo ra những sản phẩm hàng hóa có chất lượng tốt, đạt các tiêu chuẩn quy định; phát triển hệ thống dịch vụ, thương mại của tỉnh; hình thành các chuỗi giá trị sản phẩm trọng tâm và các sản phẩm chủ lực để vươn ra thị trường trong và ngoài nước; từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, đặc biệt là người dân khu vực nông thôn.

**3.2. Mục tiêu cụ thể**

1) Củng cố và phát triển hệ thống tổ chức của Đề án "Mỗi xã một sản phẩm" tỉnh Điện Biên theo hướng chuyên nghiệp hóa cán bộ thực hiện Đề án "Mỗi xã một sản phẩm" các cấp; Hoàn thiện, ban hành hệ thống chính sách riêng cho Chương trình và hoàn thiện nội dung các hoạt động quản lý;

2) Đến năm 2025 Củng cố và phát triển mới các sản phẩm OCOP: có ít nhất 90-10 sản phẩm OCOP đạt từ 3-4 sao cấp tỉnh; có 5-7 sản phẩm OCOP tiềm năng đạt 5 sao cấp Quốc Gia; đảm bảo 100% sản phẩm OCOP được truy suất nguồn gốc;

3) Trong giai đoạn 2021 -2025, củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng các tổ chức kinh tế tham gia Chương trình OCOP tỉnh Điện Biên, trong đó phát triển mới ít nhất 30 tổ chức kinh tế (DN/HTX);

4) Xúc tiến thương mại:

Hình thành hệ thống xúc tiến và quảng bá sản phẩm OCOP tỉnh Điện Biên. Đến năm 2025 ứng dụng công nghệ 4.0 trong phát triển thương hiệu, trong phân phối, tiếp thị sản phẩm, qua đó nâng cao doanh số bán hàng OCOP của các tổ chức kinh tế;

5) Phát triển nguồn nhân lực:

Đến năm 2025, hoàn thành đào tạo, tập huấn cho 100% đội ngũ cán bộ quản lý trong hệ thống OCOP (tỉnh, huyện, xã) và lãnh đạo các tổ chức kinh tế tham gia chương trình OCOP;

6) Hình thành, triển khai các Dự án/sản phẩm chủ lực theo hướng liên kết trong sản xuất, chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị (bao gồm cả sản xuất và dịch vụ): đến năm 2025 ít nhất có 5 dự án được triển khai.

7) Phát triển du lịch cộng đồng gắn với chuỗi sản phẩm OCOP: đến năm 2025 hình thành và triển khai thực hiện ít nhất 3 dự án về làng văn hóa du lịch cộng đồng.

**IV. NỘI DUNG NHIỆM VỤ**

**4.1. Đổi mới hệ thống tổ chức điều hành Đề án "Mỗi xã một sản phẩm" tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030**

*4.1.1. Rà soát, kiện toàn, đổi mới tổ chức bộ máy điều hành, triển khai Chương trình OCOP các cấp*

- Cấp tỉnh: thành lập Tổ OCOP chuyên trách;

- Các huyện: có cán bộ chuyên trách về OCOP;

- Cấp xã: giao thêm nhiệm vụ kiêm nhiệm cho cán bộ nông lâm nghiệp.

*4.1.2. Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu/phần mềm quản lý chương trình*

Xây dựng hệ thống cở sở dữ liệu về các sản phẩm và chủ thể từ cấp xã, cấp huyện đến cấp tỉnh về các thông tin liên quan từ quy trình sản xuất, chế biến, bao bì, nhãn mác, ...., thị trường và những thông tin về chủ thể. Từ đó xây dựng hệ thống quản lý, giám sát chất lượng sản phẩm OCOP và cơ chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành liên quan đến sản phẩm OCOP (xây dựng dự án thành phần).

*4.1.3. Rà soát hoàn thiện cơ chế, chính sách cho Chương trình OCOP*

Rà soát văn bản liên quan: Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND, Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND, Thông tư 43/2015/TT-BTC và Thông tư 08/TT-BTC, để xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù cho Chương trình OCOP, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết.

*4.1.4. Tổ chức kết nối các nguồn lực thực hiện Chương trình OCOP (nguồn vốn, đối tác,…)*

- Kết nối các doanh nghiệp, xây dựng chính sách thu hút vốn đầu tư để phát triển sản phẩm đặc hữu, lợi thế của địa phương, đặc biệt là các sản phẩm nhóm Thảo dược và Du lịch cộng đồng.

- Lồng ghép các nguồn vốn theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP, Nghị định 98/2018/NĐ-CP và các nguồn vốn khác về du lịch, làng nghề, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao kết hợp phát triển sản phẩm OCOP.

- Tuyên truyền, vận động các chủ thể huy động nguồn vốn hỗ trợ tín dụng theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP để phát triển sản phẩm OCOP.

*4.1.5. Xây dựng kế hoạch và nội dung tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ triển khai OCOP*

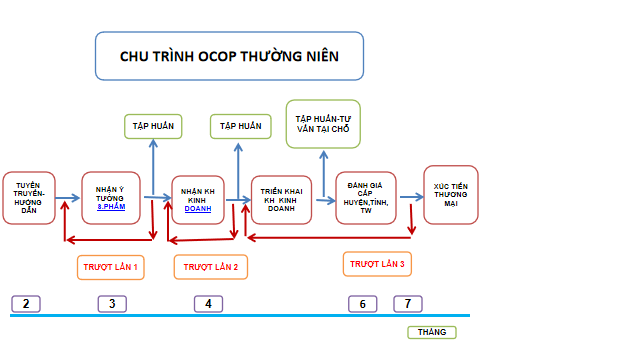
- Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ quản lý các cấp: 02 lớp/năm.

- Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ theo chuyên đề cho cán bộ triển khai Chương trình OCOP từ cấp xã trở lên: 10 lớp/năm.

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho các chủ thể tham gia OCOP, các HTX và DN.

**4.2. Duy trình chu trình OCOP thường niên**

Tổ chức triển khai chu trình OCOP thường niên tại các cấp (theo sơ đồ)



Chu trình OCOP được thực hiện theo 6 bước, trên cơ sở nguyên tắc “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân hưởng thụ” (đề xuất nhu cầu từ dưới lên, theo nhu cầu và khả năng của hộ sản xuất, của SMEs, HTX). Trong đó quan trọng là bước thi đánh giá chất lượng sản phẩm.

**4.3. Phát triển sản phẩm**

*4.3.1. Phát triển sản phẩm mới và nâng cấp sản phẩm*

Phát triển sản phẩm OCOP chủ lực cấp tỉnh (4 sao và tiệm cận 5 sao) theo hướng đáp ứng về số lượng, gia tăng về giá trị, đảm bảo tiêu chuẩn cao của Việt Nam và từng bước chuẩn hóa theo tiêu chuẩn quốc tế, phục vụ xuất khẩu.

Năm 2021: Phát triển nâng cấp 4 sản phẩm từ 3 sao lên 4 sao và phát triển 15 sản phẩm mới.

Năm 2022: Phát triển nâng cấp 6 sản phẩm từ 3 sao lên 4 sao và phát triển 15 sản phẩm mới, có 01 sản phẩm đạt 5 sao.

Năm 2023: Phát triển nâng cấp 7 sản phẩm từ 3 sao lên 4 sao và phát triển 18 sản phẩm mới, có thêm 1 sản phẩm đạt 5 sao.

Năm 2024: Phát triển nâng cấp 8 sản phẩm từ 3 sao lên 4 sao và phát triển 20 sản phẩm mới, có thêm 1 sản phẩm đạt 5 sao.

Năm 2025: Phát triển nâng cấp 10 sản phẩm từ 3 sao lên 4 sao và phát triển 23 sản phẩm mới, có thêm 2 sản phẩm đạt 5 sao.

Đến năm 2030: Toàn tỉnh có 150 sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên, trong đó có 60 sản phẩm đạt 4 sao và 15 sản phẩm đạt 5 sao.

*4.3.2. Xây dựng các dự án phát triển sản phẩm, nhóm sản phẩm chủ lực*

- Phát triển được từ 1-2 chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm thịt an toàn;

- Phát triển được từ 3-5 chuỗi cung ứng sản phẩm cây ăn quả an toàn

- Phát triển cây mắc ca gắn với chế biến, tiêu thụ.

Nội dung này tham khảo ý kiến của anh Bình – Điện Biên

**4.4. Củng cố các tổ chức kinh tế**

- Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động cho 30 DN/HTX là các chủ thể OCOP và các DN/HTX có sản phẩm OCOP tiềm năng.

- Thành lập mới ít nhất 06 HTX/năm tham gia Chương trình OCOP.

- Thành lập 3-5 Liên hiệp HTX tham gia Chương trình OCOP.

- Mỗi năm tổ chức đào tạo 02 khóa học cấp chứng chỉ Giám đốc hợp tác xã cho các chủ thể OCOP.

- Phối hợp tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho các chủ thể OCOP về tổ chức sản xuất, xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, marketing, quản trị chất lượng sản phẩm, thương hiệu, truy xuất nguồn gốc, an toàn thực phẩm, v.v..

- Củng cố các tổ chức kinh tế OCOP theo hướng chuyên nghiệp về tổ chức, vận hành sản xuất, phân phối, tiếp thị tạo các Mô hình điểm về sản xuất, kinh doanh sản phẩm OCOP góp phần lan tỏa Chương trình OCOP trong cộng đồng.

**4.5. Phát triển thương hiệu OCOP**

Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại các sản phẩm OCOP, xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm OCOP tỉnh Điện Biên.

*4.5.1. Tổ chức xúc tiến thương mại*

Các sản phẩm được xếp hạng và chứng nhận 3 sao trở lên được hỗ trợ xúc tiến thương mại dưới các hình thức:

**(1) Quảng bá, tiếp thị sản phẩm**

*Tổ chức các hoạt động quảng bá, tiếp thị cho các sản phẩm OCOP, ưu tiên hỗ trợ, cung cấp dịch vụ thương mại điện tử, định hướng áp dụng công nghệ 4.0 trong quảng bá và tiếp thị.*

- Thường xuyên tổ chức các các hoạt động quảng bá, tiếp thị cho các sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên trên các phương tiện thông tin đại chúng từ Trung ương đến địa phương.

- Ưu tiên hỗ trợ và cung cấp dịch vụ thương mại điện tử cho các chủ thể OCOP có sản phẩm đạt từ 3 sao trở lên.

- Xây dựng lộ trình để từng bước ứng dụng công nghệ 4.0 trong quảng bá và tiếp thị sản phẩm OCOP.

**(2) Tổ chức sự kiện hội chợ, triển lãm**

Xây dựng chính sách hỗ trợ cho các sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên:

- Tổ chức Hội chợ OCOP thường niên cấp tỉnh 1-2 lần/năm, tập trung vào sự kiện văn hóa, du lịch lớn của tỉnh.

- Lồng ghép giới thiệu và bán sản phẩm OCOP trong các hội chợ thương mại tại các địa phương.

- Tham dự các Hội chợ OCOP ngoài tỉnh, khu vực và Quốc tế: 2-3 lần/năm.

**(3) Khảo sát, thu thập, phân tích, dự báo thị trường**

Khảo sát và thu thập thông tin thị trường, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu OCOP (cập nhật thường xuyên) từ các cơ quan/tổ chức liên quan,…

Dựa trên các thông tin thu thập, sử dụng phương pháp thính hợp dự báo nhu cầu tiêu dùng, xu hướng thị trường, kết nối thị trường mới,…, từ đó định hướng phát triển sản xuất kinh doanh cho các sản phẩm OCOP.

*4.5.2. Củng cố hệ thống cơ sở hạ tầng OCOP, cơ sở dữ liệu OCOP*

***(1) Xây dựng hệ thống hạ tầng OCOP:***

Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng giới thiệu và bán sản phẩm OCOP gồm:

- Xây dựng 01 Trung tâm OCOP cấp tỉnh, thực hiện năm 2022.

- Xây dựng 10 Trung tâm OCOP cấp huyện, thực hiện năm 2023.

- Phối hợp tổ chức gian hàng OCOP tại các siêu thị, sân bay, v.v..

***(2) Xây dựng cơ sở dữ liệu OCOP***:

Từng bước thực hiện số hóa và quản lý đồng bộ cơ sở dữ liệu OCOP từ cấp tỉnh đến cơ sở trên nền tảng ứng dụng công nghệ số.

- Năm 2021: Xây dựng và hoàn thiện phần mềm số hóa và quản lý đồng bộ cơ sở dữ liệu OCOP từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã.

- Năm 2022: hoàn thiện phần mềm số hóa và quản lý đồng bộ cơ sở dữ liệu OCOP đến các chủ thể tham gia Chương trình OCOP:

- Từ năm 2023-2025: Ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý sản phẩm OCOP.

**4.6. Các chủ đề trọng tâm**

- Xây dựng cơ chế, chính sách ưu tiên nguồn kinh phí cho các đề tài/dự án Khoa học công nghệ gắn với phát triển sản phẩm OCOP.

- Thành lập 01 Trung tâm Khởi nghiệp sáng tạo gắn với phát triển sản phẩm OCOP để thu hút đầu tư về nguồn vốn, về công nghệ và nhân lực cho phát triển sản phẩm OCOP.

- Xây dựng quy trình, bộ tiêu chí, giám sát, đánh giá, tôn vinh sản phẩm và tổ chức OCOP trên địa bàn tỉnh.

**4.7. Triển khai các Dự án thành phần**

Nội dung này tham khảo ý kiến anh Bình – Điện Biên

Xây dựng khung các dự án cho các sản phẩm chủ lực.

Một số dự án phát triển sản phẩm chủ lực, dự kiến gồm:

- Xây dựng, củng cố/nâng cao năng lực tổ chức và nâng cao chất lượng về sản phẩm.

- Xây dựng thương hiệu và hệ thống truy xuất nguồn gốc.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý không gian về OCOP.

- Đào tạo nâng cao năng lực cán bộ quản lý và chủ thể OCOP: Ưu tiên, tập trung ứng dụng nền tảng công nghệ số cho các đối tượng là cán bộ quản lý từ tỉnh đến cơ sở; các tổ chức kinh tế OCOP.

- Phát triển sản phẩm chủ lực trong lĩnh vực nông lâm nghiệp (VD: Cây Macka, cây lúa đặc sản, cà phê, ..)

- Phát triển hệ thống trung tâm, cửa hàng, điểm bán hàng có kết nối chuỗi.

- Phát triển Du lịch cộng đồng.

**V. CÁC GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

**5.1. Các nhóm giải pháp chung**

*5.1.1. Nhóm giải pháp về công tác lãnh đạo, chỉ đạo.*

Đối với Điều hành đạo cấp tỉnh: Chỉ đạo, rà soát và ban hành các cơ chế chính sách phù hợp, trên cơ sở bám sát văn bản chỉ đạo của Trung ương, cụ thể hóa phù hợp với điều kiện của tỉnh tạo ra một hệ sinh thái nhằm thúc đẩy và phát triển Chương trình OCOP bền vững.

Đối với Ban Điều hành cấp huyện: Đưa Chương trình OCOP vào nghị quyết, chương trình hành động của cấp ủy, chính quyền để chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện. Tổ chức triển khai chương trình, chu trình OCOP một cách đồng bộ, chú trọng vai trò của cấp xã trong việc định hướng, xây dựng kế hoạch OCOP của địa phương và hỗ trợ chủ thể, người dân tham gia chương trình, phát triển sản phẩm OC*O*P.

*5.1.2. Nhóm giải pháp về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực.*

Kiện toàn hệ thống Ban điều hành Chương trình OCOP thống nhất từ tỉnh, đến huyện và đến xã, thành lập bộ phận chuyên trách cấp tỉnh để triển khai thực hiện Chương trình OCOP.

Tổ chức đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ phụ trách Chương trình OCOP các cấp từ tỉnh đến xã, tăng cường cán bộ trẻ, cán bộ được đào tạo cho Chương trình OCOP

*5.1.3. Nhóm giải pháp về tuyên truyền, vận động và tư vấn.*

Thường xuyên tổ chức tuyên truyền và nâng cao nhận thức cho các đối tượng tham gia Chương trình trên tất cả các phương tiện thông tin, phong phú về hình thức, nhằm truyền thông các thông tin triển khai, kết quả thực hiện và bài học kinh nghiệm của Chương trình OCOP trên cả nước và của địa phương.

Xây dựng nội dung và lộ trình tuyên truyền Chương trình OCOP vào các trường chuyên nghiệp và các trường phổ thông các cấp.

Hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu và các tổ chức liên quan nhằm xây dựng đội ngũ tư vấn chuyên nghiệp, gắn trách nhiệm và quyền lợi của tư vấn với phát triển sản phẩm OCOP.

*5.1.4. Nhóm giải pháp về nguồn lực và cơ chế chính sách.*

- Bố trí nguồn vốn ngân sách để đảm bảo có đủ kinh phí để thực hiện đề án.

- Huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp tham gia thực hiện chương trình OCOP.

- Có cơ chế đặc thù cho các chủ thể tham gia OCOP tiếp cận nguồn vốn tín dụng từ các ngân hàng thương mại và ngân hàng chính sách xã hội.

*5.1.5. Nhóm giải pháp về đất đai, tài nguyên và môi trường.*

- Xây dựng cơ chế chính sách nhằm tích tụ đất đai tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, HTX phát triển sản xuất quy mô lớn, sản xuất hàng hóa để cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Có kế hoạch chủ động bảo vệ và khai thác hợp lý nguồn tài nguyên đất, nước, rừng phục vụ cho phát triển sản pẩm OCOP.

- Các chủ thể OCOP cam kết về môi trường trong phát triển sản phẩm OCOP trên địa bàn.

*5.1.6. Nhóm giải pháp về Khoa học công nghệ và công nghệ thông tin.*

- Khuyến khích, ưu tiên lựa chọn các đề tài, dự án khoa học công nghệ và ứng dụng công nghệ thông tin gắn với phát triển sản phẩm OCOP.

- Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút các nguồn lực bên ngoài: các doanh nghiệp lớn, các nhà đầu tư, các tổ chức kinh tế tham gia và triển khai các đề tài ứng dụng KHCN và công nghệ thông tin gắn với phát triển sản phẩm OCOP.

*5.1.7. Nhóm giải pháp về xúc tiến thương mại và kết nối chuỗi.*

Đối với các sản phẩm OCOP đã hình thành, đã được đánh giá, phân hạng OCOP cần tập trung vào hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ các chủ thể phát triển thị trường, kênh phân phối sản phẩm OCOP.

- Hỗ trợ 100% % kinh phí tham gia các hội trợ cấp tỉnh cho các sản phẩm đạt từ 3 sao trở lên.

- Hỗ trợ 100% % kinh phí tham gia các hội trợ toàn quốc cho các sản phẩm đạt từ 4 sao trở lên.

- Hỗ trợ 100% kinh phí tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông của tỉnh cho các sản phẩm đạt từ 3 sao trở lên.

- Xây dựng chuyên mục riêng cho Chương trình OCOP trên Đài phát thanh và truyền hình của tỉnh.

- Ký hợp tác với các Siêu thị, các điểm dừng chân, sân bay, nhà ga, bến xe, v.v., để đưa các sản phẩm OCOP đến giới thiệu và tiêu thụ.

*5.1.8. Nhóm giải pháp về kiểm tra giám sát, thi đua khen thưởng.*

Xây dựng quy định về công tác kiểm tra giám sát và thực hiện công tác thi đua khen thưởng đối với các đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia và liên quan đến phát triển Chương trình OCOP.

**5.2. Các giải pháp cụ thể**

Giải pháp theo 6 nhóm sản phẩm thuộc Chương trình OCOP.

- Đối với sản phẩm nhóm I: Hỗ trợ các chủ thể xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc và đầu tư công nghệ chế biến sâu các sản phẩm hiện có.

- Đối với sản phẩm nhóm II: Nâng cấp các cơ sở sản xuất đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc.

- Đối với sản phẩm nhóm III: Quy hoạch vùng nguyên liệu, chế biến sâu và truy xuất nguồn gốc.

- Đối với sản phẩm nhóm IV: Xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển các làng nghề của đồng bào các dân tộc thiểu số nhằm bảo tồn công nghệ và phát triến sản phẩm truyền thống.

- Đối với sản phẩm nhóm V: Đa dạng hóa sản phẩm và gắn việc tiêu thụ sản phẩm với phát triển du lịch.

- Đối với sản phẩm nhóm VI: Xây dựng mô hình Du lịch cộng đồng thí điểm và nhân rộng.

**5.3. Nguồn vốn thực hiện**

5.3.1. Nhu cầu vốn triển khai

- Tổng nhu cầu vốn cho giai đoạn: 51.903.800.000 đồng

- Phân bổ cho từng năm:

+ Năm 2021: 11.057.700.000 đồng

+ Năm 2022: 10.324.500.000 đồng

+ Năm 2023: 10.472.600.000 đồng

+ Năm 2024: 10.324.500.000 đồng

+ Năm 2025: 9.724.500.000 đồng

5.3.2. Nguồn vốn, cơ cấu vốn: Cơ cấu vốn xây dựng sau khi thống nhất các dự án thành phần với NTM Điện Biên.

- Vốn Ngân sách:

- Vốn tín dụng:

- Vốn doanh nghiệp:

- Vốn công đồng:

- Hàng năm khi triển khai thực hiện các nội dung cụ thể trong Đề án có liên quan đến nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh, các đơn vị được giao chủ trì thực hiện phải xin ý kiến UBND tỉnh trước khi triển khai theo quy định.

**Phần thứ tư:**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh**

Là cơ quan thường trực, chiu trách nhiệm chính triển khai thực hiện Chương trình. Phối hợp với các sở, ngành liên quan điều phối và tổ chức thực hiện các hoạt động của Đề án. Phối hợp với đơn vị Tư vấn triển khai thực hiện.

**2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Lồng ghép các hoạt động của Đề án vào thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, các hoạt động khuyến nông - lâm - ngư; hướng dẫn phát triển kinh tế hộ, trang trại, hợp tác xã nông nghiệp; tổ chức nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ công nghệ vào sản xuất và hoàn thiện sản phẩm nông nghiệp.

**3. Sở Công thương**

Lập kế hoạch và ngân sách hàng năm cho hoạt động khuyến công liên quan đến các tổ chức kinh tế hình thành bởi Đề án; chủ trì tổ chức hội chợ, hỗ trợ xúc tiến thương mại sản phẩm; thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động thương mại đối với hệ thống trung tâm, điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP trong và ngoài tỉnh.

**4. Sở Tài chính**

Cân đối tài chính cho các hoạt động của Chương trình; hỗ trợ các tổ chức kinh tế hình thành trong Chương trình về nghiệp vụ, chế độ quản lý tài chính.

**5. Sở Khoa học công nghệ**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành hướng dẫn các đơn vị, tổ chức, cá nhân về ghi nhãn hàng hóa, đăng ký mã số mã vạch; Hướng dẫn các đơn vị, doanh nghiệp, địa phương trong việc xác lập và thực thi quyền sở hữu trí tuệ; Tổng hợp các đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN hàng năm liên quan đến phát triển sản phẩm OCOP sử dụng nguồn vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

**6. Sở Tài nguyên – Môi trường**

Phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc bố trí quỹ đất phục vụ xây dựng các điểm giới thiệu, quảng bá sản phẩm gắn với các điểm du lịch; Giám sát các hoạt động liên quan đến môi trường tại các đơn vị sản xuất, kinh doanh, các khu du lịch, dịch vụ nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, cảnh quan tại các khu vực này.

**7. Sở Y tế**

Hỗ trợ các tổ chức kinh tế, hộ sản xuất xây dựng cơ sở vật chất đạt tiêu chuẩn theo quy định; xây dựng và bảo đảm các chỉ tiêu thuốc Y học cổ truyền, vệ sinh an toàn thực phẩm; đánh giá các sản phẩm thiên nhiên, thực phẩm chức năng, thuốc Y học cổ truyền.

**8. Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch**

Nghiên cứu phát triển, quảng bá các hình ảnh về bản sắc văn hóa, sản phẩm của Chương trình OCOP.Nghiên cứu phát triển và triển khai các sản phẩm du lịch nông thôn, quảng bá các hình ảnh sản phẩm của Chương trình trong các hoạt động văn hóa và du lịch trong tỉnh.

**9. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Lồng ghép các nội dung của Chương trình vào Quy hoạch tổng thể, kế hoạch hằng năm; phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán ngân sách và phân bổ ngân sách.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các trường, cơ sở đào tạo nghề xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với việc sản xuất các sản phẩm tham gia Chương trình OCOP của tỉnh.

11. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ngành có liên quan Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và chỉ đạo các cơ sở đào tạo nghề, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với việc  
sản xuất các sản phẩm tham gia Chương trình OCOP của tỉnh.

12. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thông tin tuyên truyền và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị báo chí, phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh mở các chuyên mục, tọa đàm tuyên truyền về nội dung, mục đích, ý nghĩa Chương trình OCOP; Hàng năm, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan tổ chức các kỳ đánh giá và xếp hạng sản phẩm OCOP.

13. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Điện Biên

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng chuyên mục, chuyên đề về Chương trình OCOP của tỉnh; Tăng thời lượng tuyên truyền về Chương trình OCOP tỉnh Điện Biên; Thường xuyên đăng tải các tin, bài, nêu gương tập thể, cá nhân điển hình trong thực hiện chương trình OCOP.

14. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Điện Biên

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ngành liên quan rà soát chính sách tín dụng và chỉ đạo hệ thống ngân hàng thực hiện việc cho vay vốn phát triển sản xuất đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã trong Chương trình OCOP;

**15. UBND, BCĐ Chương trình Mỗi xã một sản phẩm các địa phương**

Tổ chức triển khai Chương trình OCOP tại địa bàn; Hỗ trợ các hộ sản xuất thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia Chương trình OCOP; Tổ chức triển khai các chính sách hỗ trợ các tổ chức kinh tế, hộ sản xuất; Huy động/phân bổ/điều chỉnh các nguồn lực thực hiện đề án Chương trình OCOP trên địa bàn; Tổ chức đánh giá và phân hạng sản phẩm cấp huyện để chọn sản phẩm thi đánh giá và phân hạng cấp tỉnh.

**16. Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và Hội quần chúng**

Đề nghị Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, Liên minh HTX, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các hội, hiệp hội tỉnh tăng cường tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, thành viên tích cực tham gia Chương trình OCOP; chủ động tham gia vào các chuỗi giá trị hình thành trong Chương trình OCOP.

**17. Cơ quan tư vấn triển khai thực hiện Đề án**

Phối hợp với Văn phòng Nông thôn mới và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện các hoạt động theo đề nghị của địa phương.

**Phần thứ năm**

**KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

**1. Kết luận**

Chương trình OCOP là chương trình phát triển kinh tế khu vực nông thôn, khai thác các sản phẩm đặc hữu, lợi thế của địa phương, phát huy sức mạnh của cộng đồng để gia tăng giá trị cho sản phẩm. Kết quả thực hiện chương trình trong hơn hai năm qua đã khẳng định sự phù hợp của Chương trình, nhận được sự đông thuận của Nhân Dân và sự ủng hộ của các cấp chính quyền cũng như của cộng đồng. Triển khai thực hiện Đề án “Mỗi xã một sản phẩm” tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030” là nhiệm vụ nhằm thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng Bộ tỉnh Điện Biên nhiệm kỳ XIV nhiệm kỳ 2020-2025. Đề án được xây dựng trên cơ sở phát huy những kết quả đã đạt được, những bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai của giai đoạn 2018-2020, dựa vào kết quả khảo sát, đánh giá các sản phẩm tiềm năng và năng lực của các chủ thể trên địa bàn tỉnh Điện Biên, nhằm khai thác các thế mạnh của địa phương về sản phẩm nông nghiệp, phi nông nghiệp, từ đó đề xuất giải pháp phát triển sản phẩm theo hướng chuẩn hóa sản phẩm theo tiêu chí sản phẩm OCOP. Kết quả của đề án sẽ là góp phần phát triển kinh tế khu vực nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

**2. Kiến nghị**

Đề nghị các Bộ, Ngành Trung ương ưu tiên bố trí nguồn kinh phí đặc thù cho Chương trình xây dựng nông mới nói chung và Chương trình OCOP của tỉnh Điện Biên nói riêng.